CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

Ngày 30/09/2025	12,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.5%	**22.5%**	**9.4%**

DT thuần
Q3/25
206
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.0| 10.4%
YoY: ▼21.0| -9.1%

LN thuần
Q3/25
87.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.1| 22.7%
YoY: ▼12.9| -12.9%

LN sau thuế
Q3/25
80.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.2| 25.0%
YoY: ▼14.1| -14.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
42.0%
YoY: +/-▼ 12.7%

ROE (TTM)
Q3/25
10.1%
YoY: +/-▼ 1.0%

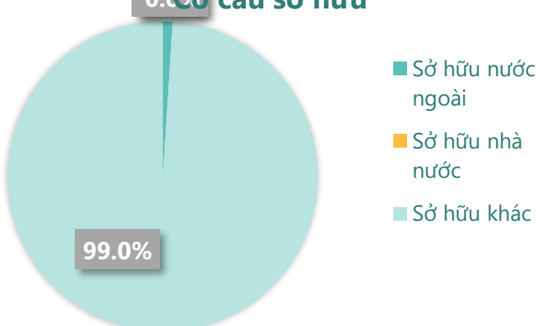
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,360 - 13,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,177
Số lượng CPLH (CP)	170,057,593
KLGD BQ 20 phiên (CP)	340,525
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.91
EPS	1,326
P/E	9.6

DT thuần
9T 2025
542
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.0| -4.1%

LN thuần
9T 2025
206
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00| -0.5%

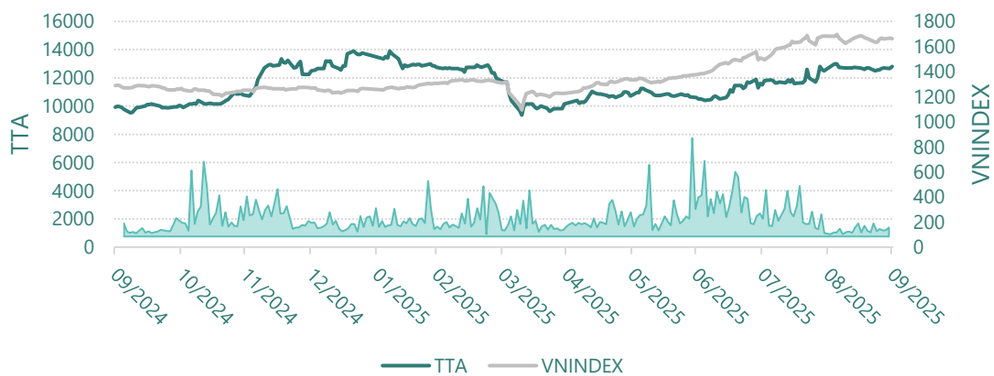
LN sau thuế
9T 2025
188
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.00| -1.7%

Cơ cấu sở hữu

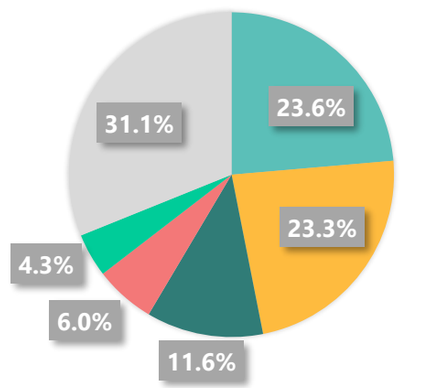


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



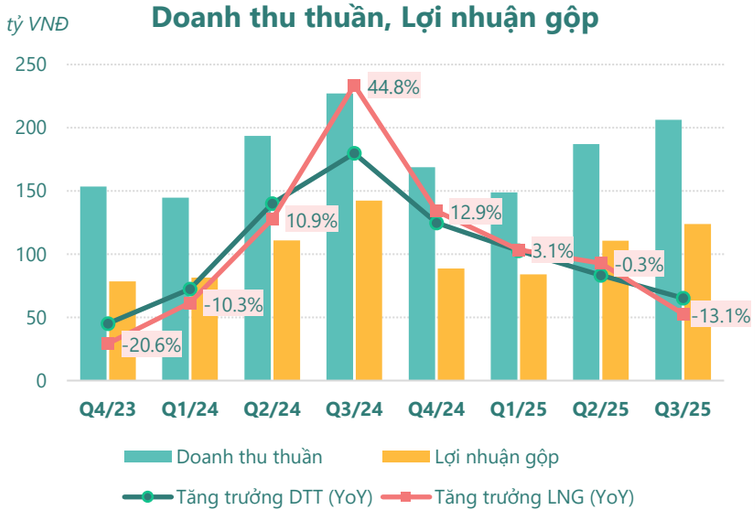
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

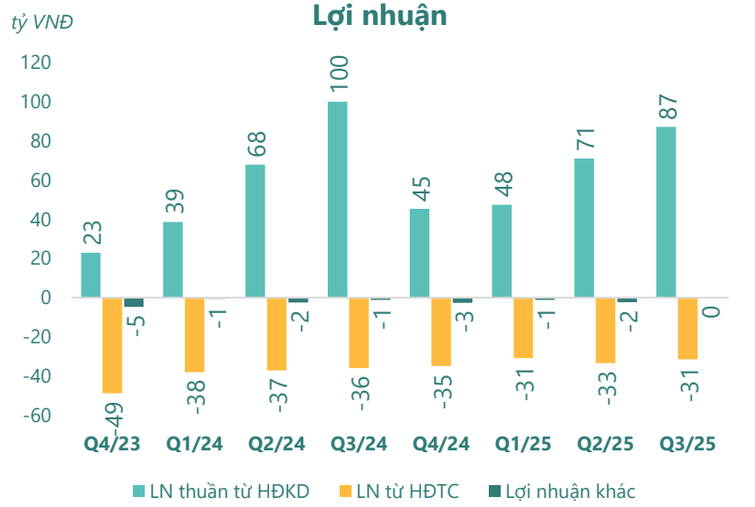
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



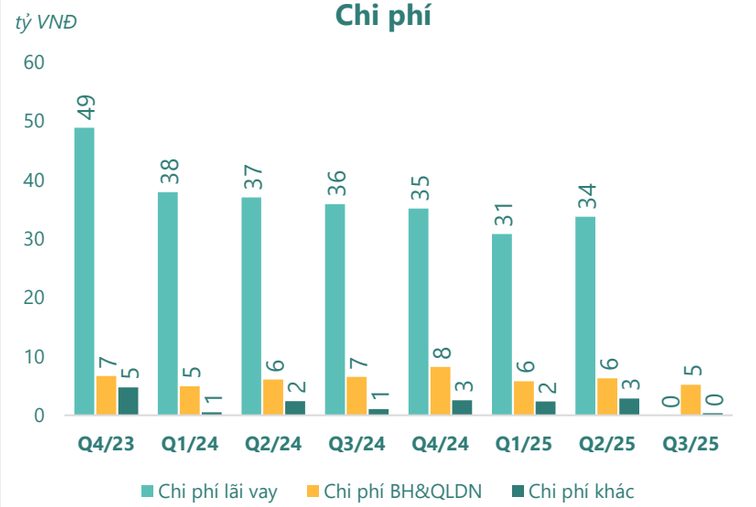
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



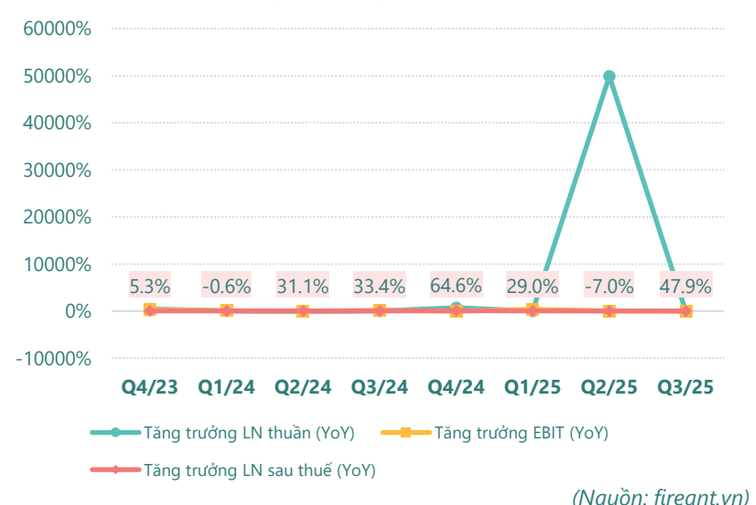
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



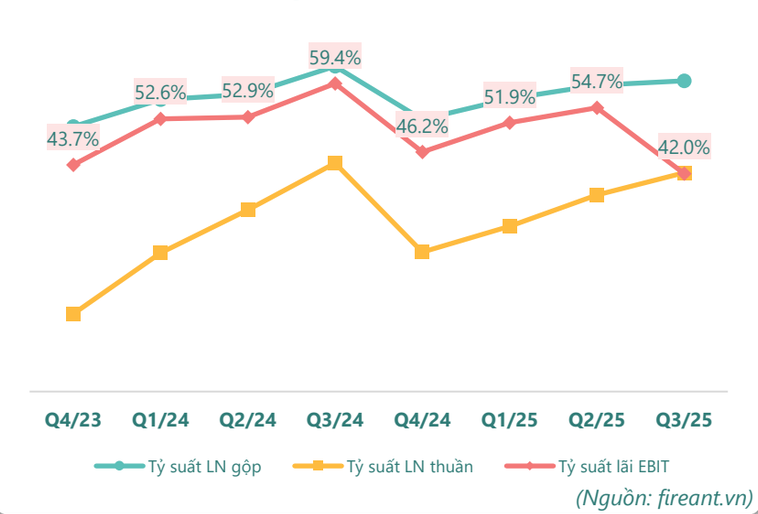
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



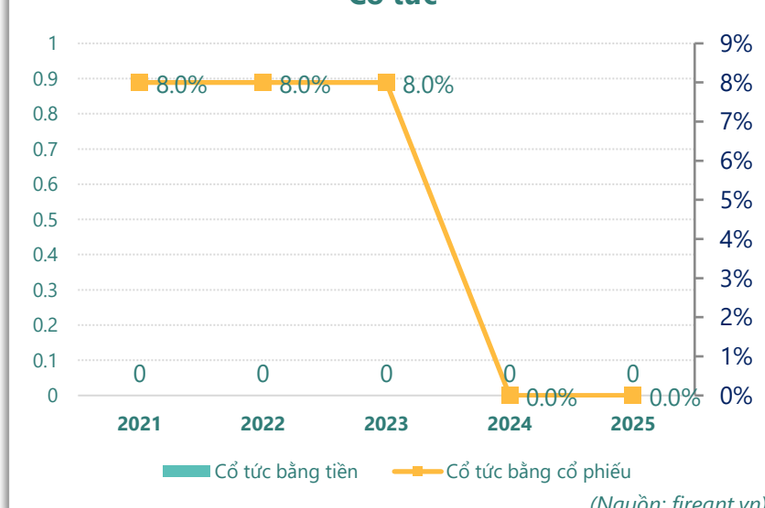
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

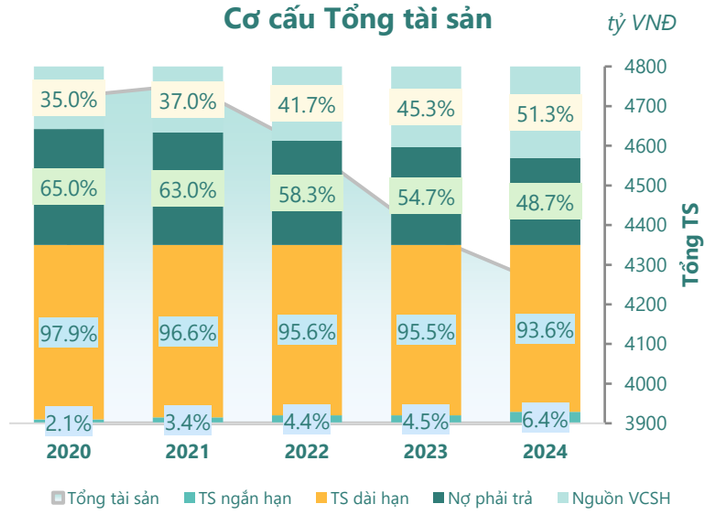
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

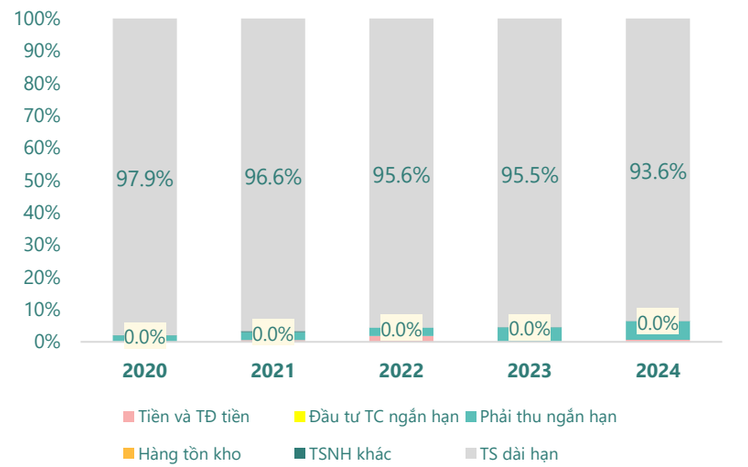
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



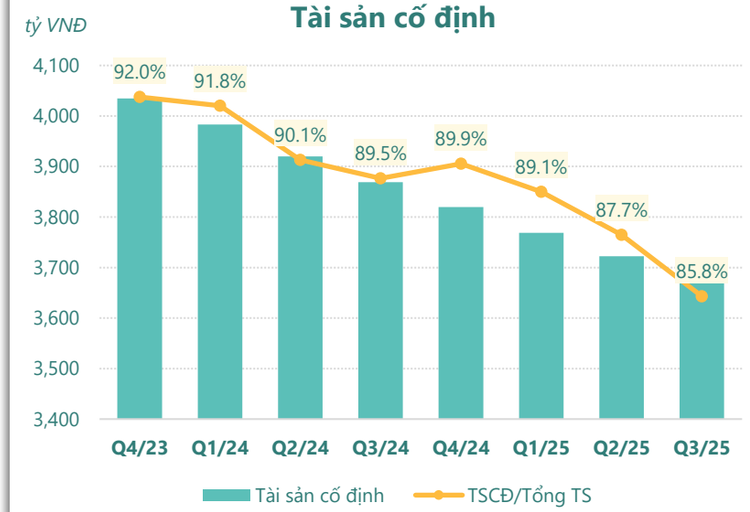
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



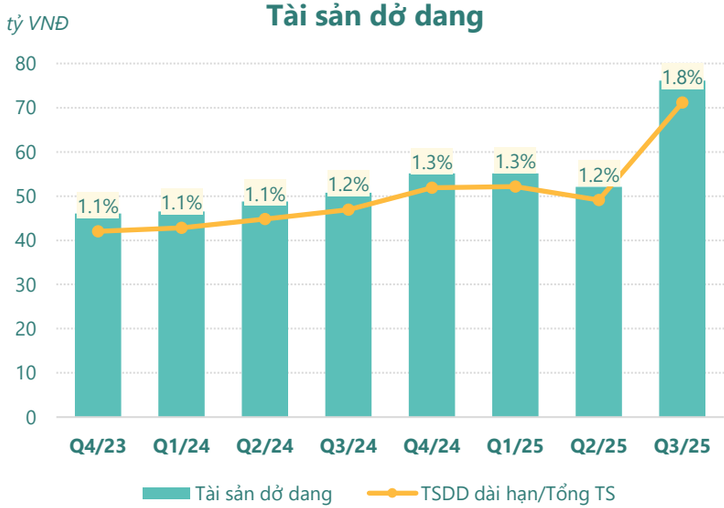
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



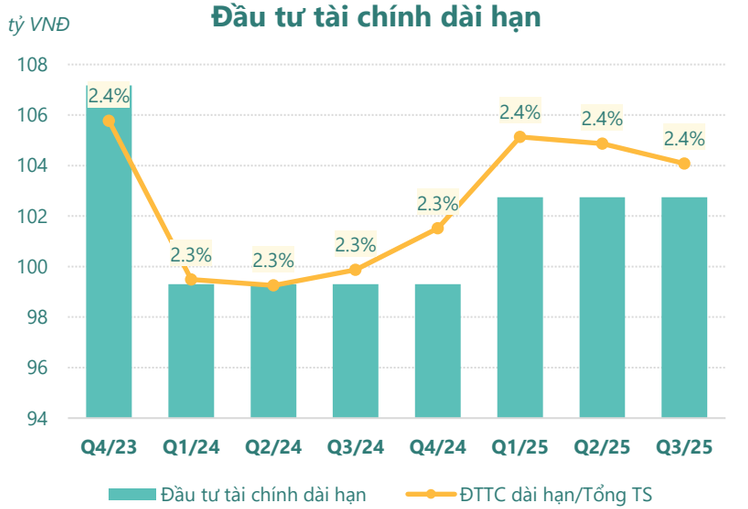
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



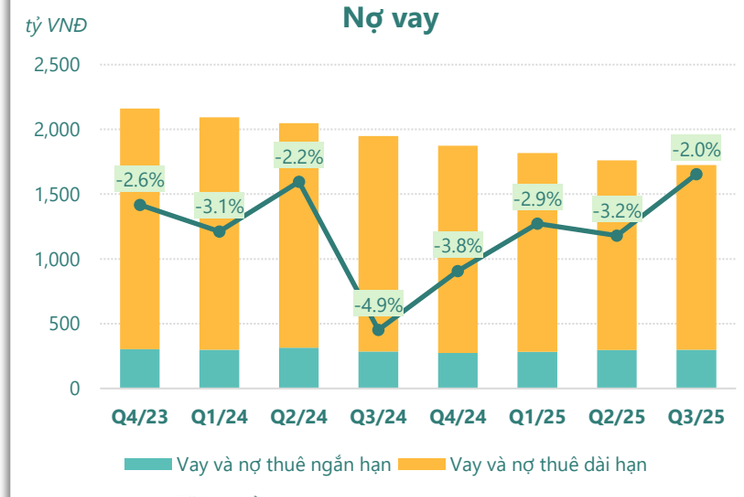
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

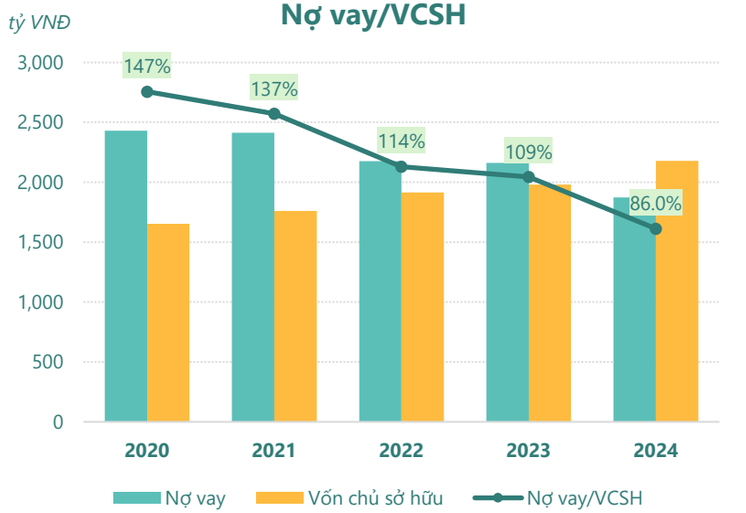
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

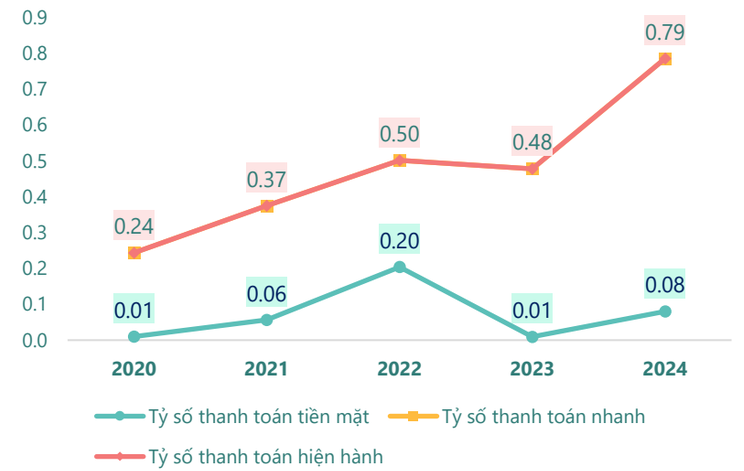
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



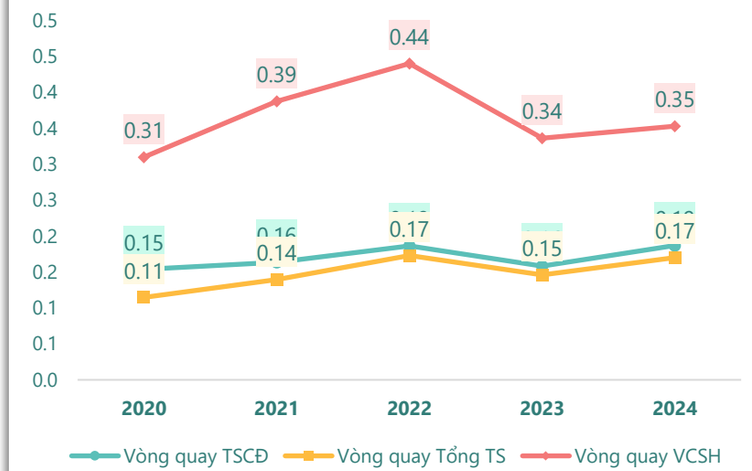
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



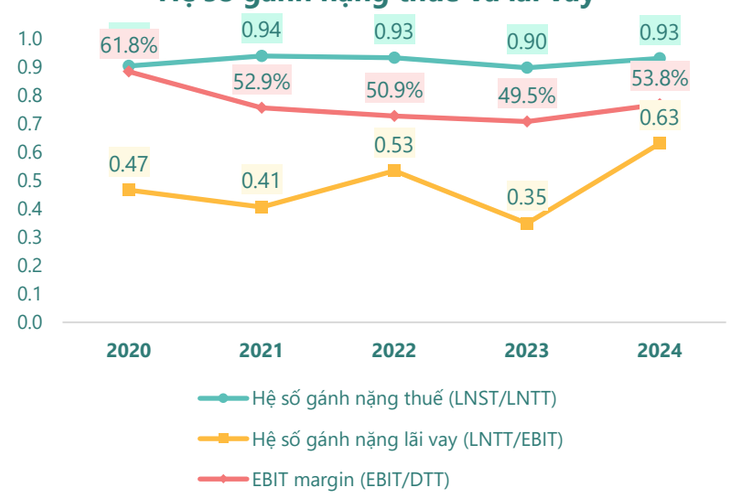
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



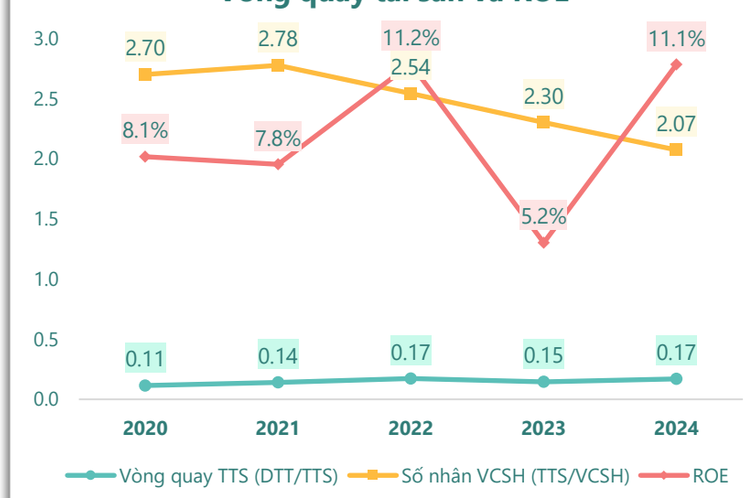
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



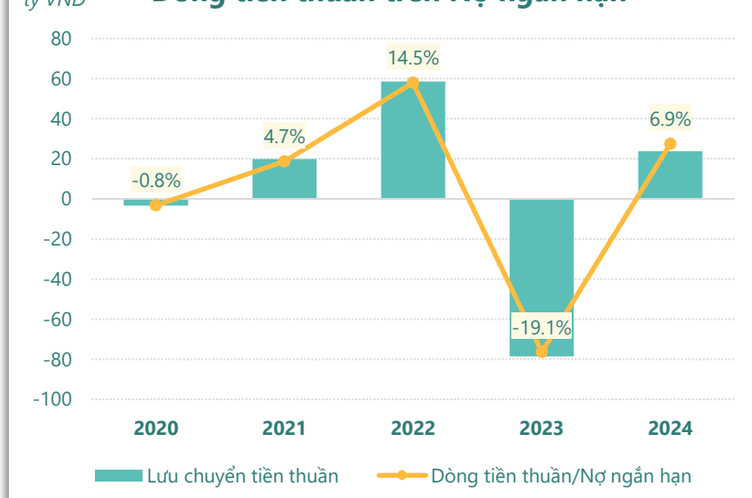
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**206**	**227**	**-9.1%**	**542**	**565**	**-4.1%**
Giá vốn hàng bán	82.6	84.6	-2.3%	224	230	-2.8%
Lợi nhuận gộp	124	142	-12.9%	318	335	-4.9%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.02	-50.6%	0.49	0.03	1716%
Chi phí TC	31.5	35.9	-12.3%	96.1	111	-13.4%
Chi phí lãi vay	0	35.9	-100%	64.6	111	-41.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.20**	**6.51**	**-20.1%**	**17.3**	**17.5**	**-1.1%**
LN thuần từ HĐKD	87.1	100	-12.9%	206	207	-0.5%
Lợi nhuận khác	**-0.34**	**-1.06**	**68.4%**	**-3.79**	**-3.96**	**4.1%**
LN trước thuế	86.8	99.0	-12.4%	202	203	-0.4%
Lợi nhuận sau thuế	**80.9**	**95.0**	**-14.9%**	**188**	**192**	**-1.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**80.9**	**95.0**	**-14.9%**	**188**	**192**	**-1.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	100.0	74.2	78.1	44.4	59.5	78.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.50	-1.73	-6.30	0.06	-6.60	-18.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-74.5	-71.6	-74.4	-55.2	-57.8	-35.5
Tiền đầu kỳ	6.58	29.5	30.4	27.7	17.0	12.1
Lưu chuyển tiền thuần	**22.9**	**0.85**	**-2.64**	**-10.7**	**-4.94**	**24.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	29.5	30.4	27.7	17.0	12.1	36.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,278**	**4,251**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	416	273	52.3%
Tiền và tương đương tiền	36.8	27.7	32.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	378	245	54.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.89	0.43	107%
Tài sản dài hạn	**3,862**	**3,978**	**-2.9%**
Phải thu dài hạn	12.0	0	
Tài sản cố định	3,671	3,820	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	76.1	55.1	38.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.19**	**0.08**	**125%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,948	2,072	-6.0%
Nợ ngắn hạn	**397**	**347**	**14.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	299	274	9.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.26	3.37	55.9%
Nợ dài hạn	1,550	1,725	-10.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,425	1,599	-10.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,330**	**2,179**	**7.0%**
Vốn chủ sở hữu	**2,330**	**2,179**	**7.0%**
Vốn điều lệ	1,701	1,701	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)